TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 230/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bạn và bà Nguyễn Thị Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Bà Võ Thị Thu, Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu N; địa chỉ: thôn P, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q; địa chỉ: Khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

1. Về hôn nhân:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu N trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả 02 bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông Q không có trách nhiệm với vợ con, khi bà N và người thân trong gia đình ông Q mâu thuẫn nhưng ông không có ý kiến gì để bảo vệ vợ con. Bà N có góp ý về cách sống nhưng ông Q không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả nhau làm cho cuộc sống hôn nhân ở tình trạng luôn căng thẳng, dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt nên bà N đưa con về nhà cha mẹ ruột (thôn P, xã M, huyện Đ) để sinh sống. Sau đó, ông Q thỉnh thoảng có đến nơi bà N sinh sống để thăm con, đồng thời giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Vào tháng 9 năm 2018, bà N làm đơn gởi đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng ông Q không đến Tòa gây khó khăn cho yêu cầu ly

hôn của bà N. Sau đó, bà N đã rút lại đơn và vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng ông Q vẫn không thay đổi cách sống và vợ chồng ly thân từ giữa năm 2019 đến nay.

Nay bà N xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm thực sự không còn. Vì vậy, bà N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 11 tháng 6 năm 2020 của ông Nguyễn Hồng Q trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N: Ông Q đồng ý với lời trình bày của bà N về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra ông Q cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống tại gia đình ông ở khu N, thị trấn A, huyện Đ thì bà N và những người thân trong gia đình ông Q xảy ra mâu thuẫn nên bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột (thôn P, xã M, huyện Đ) để sinh sống. Sau đó, vợ chồng tiếp chung sống với nhau và ông Q nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, mong muốn vợ chồng tiếp tục đoàn tụ chung sống nên không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Bà N khai vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2014 (hiện cháu B đang ở với ông Q tại khu N, thị trấn A, huyện Đ) và Nguyễn Lê Gia L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2019 (hiện cháu L đang ở với bà N tại thôn P, xã M, huyện Đ).

Theo đơn khởi kiện bà Nguyệt có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N có nguyện nuôi dưỡng cháu L không yêu cầu ông Q đóng góp nuôi con.

Ông Q công nhận vợ chồng có hai con chung như bà N khai, nếu bà N cương quyết ly hôn thì ông Q xin được nuôi dưỡng hai cháu B và L, không yêu cầu bà N đóng góp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Bà N và ông Q cùng khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Bà N và ông Q cùng khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà N chấp hành đảm bảo đúng quy định, bị đơn ông Q nhiều lần không chấp hành các thủ tục của Tòa án và ông vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông Q.

- Quan hệ con chung: Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con, đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Lê Gia L cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Lê Gia B cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Bà N và ông Q không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Quan hệ tài sản chung: Bà N và ông Q không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

- Quan hệ nợ chung: Bà N và ông Q cùng khai không có nên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hồng Q là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Q vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là đúng với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thu N và ông Nguyễn Hồng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Đ theo Trích lục kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống cả 02 bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả nhau làm cho cuộc sống hôn nhân ở tình trạng luôn căng thẳng, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, mặc dù vợ chồng cố gắng giải quyết mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nhưng vẫn không có kết quả. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn xảy ra bà N đã đưa con về nhà cha mẹ ruột tại thôn P, xã M, huyện Đ để sinh sống. Đối với ông Q không đồng ý ly hôn nhưng lại không có mặt tại phiên tòa để trình bày nguyện vọng. Thực tế giữa bà N và ông Q ly thân không còn chung sống nhau đã gần một năm nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyệt là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra bà N đưa con Nguyễn Lê Gia L về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà N có nguyện vọng nuôi cháu L. Hiện tại bà N là nhân viên bảo hiểm thu nhập hằng tháng ổn định, có điều kiện chăm sóc con chung, cháu L còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu L do bà N nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Hiện tại ông Q đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Gia B, ông Q làm nghề lái xe taxi có thu nhập hằng tháng ổn định. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Lê Gia L là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật; giao cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Lê Gia B là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N và ông Q không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà N và ông Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét không xem xét

[7]. Về án phí: Bà Nguyệt phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu N.

Tuyên xử:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Cho bà Lê Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q.

- ***Về con chung:*** Giao con chung là Nguyễn Lê Gia L, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2019 cho bà Lê Thị Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi (hiện cháu L đang ở với bà Nguyệt tại thôn P, xã M, huyện Đ).

Giao con chung là Nguyễn Lê Gia B, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2014 cho ông Nguyễn Hồng Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi (hiện cháu B đang ở với ông L tại khu N, thị trấn A, huyện Đ).

Bà N và ông Q không yêu cầu đóng góp nuôi con chung.

Bà N và ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về tài sản chung:*** (Không yêu cầu giải quyết).

- ***Về nợ chung:*** (Không có).

- ***Về án phí:*** Bà Lê Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu 0003657 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Bà Lê Thị Thu N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Hồng Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái